



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG  
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH  
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:  
082/XNN/22

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

14/03/2022  
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 11/3/2022
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Lê Thị Ngọc Hằng, thôn Tiền Phong, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, đóng ACH 51
6. Thời gian thử nghiệm: 12/3/2022
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:

VALAS 020

| TT | Tên chỉ tiêu | ĐVT                | Phương pháp thử | Kết quả         | QCVN<br>01-1:2018/BYT (1) |
|----|--------------|--------------------|-----------------|-----------------|---------------------------|
| 1  | Màu sắc (*)  | TCU                | Cảm quan        | Không màu       | 15                        |
| 2  | Mùi vị       |                    | QLCLN-PP-13     | Không mùi vị lạ | Không có mùi vị lạ        |
| 3  | Độ đục(*)    | NTU                | TCVN 6184:1996  | 0,69            | 2                         |
| 4  | Clo dư       | mg/l               | QLCLN-PP-01     | 0,23            | 0,2-1,0                   |
| 5  | pH (*)       |                    | TCVN 6492:2011  | 6,76            | Trong khoảng 6,0 - 8,5    |
| 6  | Coliform     | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCLN-PP-10     | 1               | <3                        |
| 7  | E.coli       | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCLN-PP-11     | 0               | <1                        |
| 8  | Asen         | mg/l               | QLCLN-PP-09     | 0               | 0,01                      |

**Kết luận:** Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (\*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (\*\*) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ  
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đỗ Thị Oánh



Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG  
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH  
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:  
083/XNN/22

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/03/2022  
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 14/03/2022
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch  
Công trình Cấp nước sinh hoạt thôn Minh Cẩm Trang, Minh Cẩm Nội, Minh Cẩm Ngoại, xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 15/03/2022
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên chỉ tiêu | ĐVT            | Phương pháp thử | Kết quả thử nghiệm | QCVN 01-1:2018/BYT (1)<br>Ngưỡng giới hạn |
|----|--------------|----------------|-----------------|--------------------|-------------------------------------------|
| 1  | Màu sắc      |                | Cảm quan        | Không màu          | 15                                        |
| 2  | Mùi vị       |                | QLCLN-PP-13     | Không mùi vị lạ    | Không có mùi vị lạ                        |
| 3  | Độ đục(*)    | NTU            | TCVN 6184:1996  | <1                 | 2                                         |
| 4  | Clo dư       | mg/l           | QLCLN-PP-01     | 0,65               | 0,2-1,0                                   |
| 5  | pH (*)       |                | TCVN 6492:2011  | 8,17               | Trong khoảng 6,0 - 8,5                    |
| 6  | Coliform     | Vi khuẩn/100ml | QLCLN-PP-10     | 0                  | <3                                        |
| 7  | E.coli       | Vi khuẩn/100ml | QLCLN-PP-11     | 0                  | <1                                        |

**Kết luận:** Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (\*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (\*\*) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ  
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đỗ Thị Oánh



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG  
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH  
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:  
084/XNN/22

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/03/2022  
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 14/03/2022
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: UBND xã Phong Hóa, thôn Minh Cẩm Trang, xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa
- Công trình Cấp nước sinh hoạt thôn Minh Cẩm Trang, Minh Cẩm Nội, Minh Cẩm Ngoại, xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 15/03/2022
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên chỉ tiêu | ĐVT            | Phương pháp thử | Kết quả thử nghiệm | QCVN 01-1:2018/BYT (1) Ngưỡng giới hạn |
|----|--------------|----------------|-----------------|--------------------|----------------------------------------|
| 1  | Màu sắc      |                | Cảm quan        | Không màu          | 15                                     |
| 2  | Mùi vị       |                | QLCLN-PP-13     | Không mùi vị lạ    | Không có mùi vị lạ                     |
| 3  | Độ đục(*)    | NTU            | TCVN 6184:1996  | <1                 | 2                                      |
| 4  | Clo dư       | mg/l           | QLCLN-PP-01     | 0,56               | 0,2-1,0                                |
| 5  | pH (*)       |                | TCVN 6492:2011  | 7,83               | Trong khoảng 6,0 - 8,5                 |
| 6  | Coliform     | Vi khuẩn/100ml | QLCLN-PP-10     | 1                  | <3                                     |
| 7  | E.coli       | Vi khuẩn/100ml | QLCLN-PP-11     | 0                  | <1                                     |

**Kết luận:** Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (\*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (\*\*) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ  
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

  
Đỗ Thị Oánh



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

  
Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG  
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH  
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:  
085/XNN/22

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/03/2022  
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 14/03/2022
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Nguyễn Quang Văn, thôn Mã Thượng, xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa  
Công trình Cấp nước sinh hoạt thôn Minh Cẩm Trang, Minh Cẩm Nội, Minh Cẩm Ngoại, xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 15/03/2022
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên chỉ tiêu | ĐVT            | Phương pháp thử | Kết quả thử nghiệm | QCVN 01-1:2018/BYT (1)<br>Ngưỡng giới hạn |
|----|--------------|----------------|-----------------|--------------------|-------------------------------------------|
| 1  | Màu sắc      |                | Cảm quan        | Không màu          | 15                                        |
| 2  | Mùi vị       |                | QLCLN-PP-13     | Không mùi vị lạ    | Không có mùi vị lạ                        |
| 3  | Độ đục(*)    | NTU            | TCVN 6184:1996  | <1                 | 2                                         |
| 4  | Clo dư       | mg/l           | QLCLN-PP-01     | 0,5                | 0,2-1,0                                   |
| 5  | pH (*)       |                | TCVN 6492:2011  | 7,72               | Trong khoảng 6,0 - 8,5                    |
| 6  | Coliform     | Vi khuẩn/100ml | QLCLN-PP-10     | 2                  | <3                                        |
| 7  | E.coli       | Vi khuẩn/100ml | QLCLN-PP-11     | 0                  | <1                                        |

**Kết luận:** Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (\*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (\*\*) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ  
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đỗ Thị Oánh

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868